

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Số hiệu gói thầu: HH 11

Tên gói thầu: Mua sắm máy tính làm việc cho nhân viên Tổng đài Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) - Đợt 3

Phát hành ngày: 14/9/2022

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Ghi tên, đóng dấu (nếu có)]



Nguyễn Thế Cường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|----------|---|
| IDNES | Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia |
| Hệ thống | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mpi.gov.vn) |
| VND | Đồng Việt Nam |

bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm IDNES nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 (bao gồm Mẫu 02a và Mẫu 02b) Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu và của người ký đơn chào hàng;
4. Giấy uỷ quyền ký đơn chào hàng (nếu có).

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. IDNES so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, IDNES có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

2. Báo giá phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Các thành phần của báo giá phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu theo hướng dẫn tại Chương III.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

4. IDNES chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của nhà thầu.

5. Nhà thầu có thể nộp HSDX trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (www.muasamcong.mpi.gov.vn) hoặc trong trường hợp nhà thầu không có tài khoản trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia thì có thể nộp HSDX trực tiếp tại địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519 Phố Kim Mã,

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. IDNES mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn gói thầu Mua sắm máy tính làm việc cho nhân viên Tổng đài Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) - Đợt 3. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

2. Loại hợp đồng: trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với trường hợp các gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng thì không bắt buộc Nhà thầu phải đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

6. Nhà thầu tham dự thầu, chào hàng, đề xuất cung ứng và nhà thầu dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của

Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDX đối với một thông báo mời chào hàng khi tham gia đấu thầu.

6. Nhà thầu nộp báo giá (bản mềm thì phải gửi bản scan báo giá có đủ chữ ký, dấu (nếu có) của nhà thầu) không muộn hơn **17 giờ 00 phút ngày 20 tháng 9 năm 2022**, tiêu đề ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]”. Trường hợp sửa đổi, tiêu đề báo giá sửa đổi phải ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản sửa đổi báo giá”. Các báo giá sửa đổi được gửi đến IDNES sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

7. Trong trường hợp Nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu nộp HSDX trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (www.muasamcong.mpi.gov.vn), thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Nhà thầu phải trách nhiệm nộp 01 bản gốc báo giá cho IDNES.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt

Nhà thầu được xem xét lựa chọn thực hiện gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Hợp đồng ký kết với nhà thầu sử dụng mẫu hợp đồng quy định tại bản yêu cầu báo giá hoặc một mẫu khác được IDNES chấp thuận.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của IDNES và trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

I. TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

Chính phủ Việt Nam coi việc ứng dụng hệ thống đấu thầu điện tử trong mua sắm là một công cụ quan trọng để đạt được tính minh bạch, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong mua sắm và góp phần giảm tham nhũng trong các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước. Chính phủ đã yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) quản lý dự án và vận hành hệ thống này.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và vận hành hệ thống thí điểm đấu thầu điện tử (muasamcong.mpi.gov.vn) từ năm 2009 đến năm 2011. Hệ thống đấu thầu điện tử thí điểm bao gồm các phân hệ ứng dụng hỗ trợ đấu thầu mua sắm hàng hóa, công thông tin và hệ thống quản lý người dùng. Trên cơ sở kết quả tích cực của hệ thống thí điểm và số lượng bên mời thầu, nhà thầu đăng ký sử dụng hệ thống tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục thí điểm hệ thống đến cuối năm 2013 nhằm làm cơ sở cho việc triển khai trên toàn quốc trong thời gian tới. Từ năm 2015 trở đi hệ thống chính thức được sử dụng đăng tải thông tin về đấu thầu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng một Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ e-GP ("Hệ thống e-GP") trong khuôn khổ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2025 và Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2025, nhằm triển khai đấu thầu điện tử trên toàn quốc.

Hệ thống e-GP được triển khai thông qua hình thức đối tác công tư (PPP). Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chọn làm Nhà đầu tư và IDNES là doanh nghiệp dự án được thành lập để thực hiện Dự án. IDNES, cơ quan ký kết hợp đồng cho gói thầu tư vấn này, đang tìm kiếm Nhà thầu phụ để hỗ trợ cho việc chuẩn bị và triển khai dự án.

- Mục tiêu dự án: Mục tiêu tổng thể của Dự án là ứng dụng các tiến bộ của CNTT, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành một cách bền vững Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ (Hệ thống e-GP) nhằm quản lý thống nhất thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên cơ sở đảm bảo an toàn, cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Mục tiêu chi tiết của dự án:

1. Xây dựng hệ thống quy trình về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
2. Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý đấu thầu qua mạng, cải tiến nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, chuẩn hoá và mẫu hoá các văn bản, tài liệu, biểu mẫu trong đấu thầu phục vụ đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.

3. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ quá trình triển khai đấu thầu qua mạng.

4. Xây dựng hệ thống ứng dụng gồm 11 hệ thống thành phần, bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding), Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall), Quản lý hợp đồng qua mạng (e-Contract), Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier's Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống này. Sẵn sàng kết nối và tích hợp với các hệ thống chính phủ điện tử khác của Việt Nam.

5. Tổ chức đào tạo nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho các cơ quan quản lý đấu thầu, các Bên mời thầu và cộng đồng các doanh nghiệp tham gia Hệ thống e-GP. Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong và ngoài nước về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.

6. Đảm bảo tất cả các thông tin về đấu thầu như danh sách bên mời thầu, kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu, kết quả đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống; từng bước tăng dần số lượng gói thầu thực hiện qua mạng.

Để xây dựng được Hệ thống e-GP hiện đại, hiệu quả nói trên thì điều cần thiết là phải có một hệ thống hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo đáp ứng về cấu hình và hoạt động ổn định.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1. Mục tiêu

Lựa chọn nhà thầu cung cấp máy tính làm việc cho nhân viên tổng đài Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) nhằm phục vụ vận hành hệ thống đấu thầu điện tử - eGP.

2. Phạm vi, địa điểm triển khai

Trung tâm vận hành hỗ trợ khách hàng (Call Center) tại số Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Danh mục hàng hóa cụ thể gồm:

BẢNG A. BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA, THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| STT | Danh mục hàng | Đặc tính kỹ thuật | Bảo hành/Hỗ trợ kỹ | Số lượng | Các yêu cầu khác (nếu có) |
|------------|----------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------------|
|------------|----------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------|----------------------------------|

| | hóa | | thuật | | |
|---|----------------------------|---|----------|----|---|
| 1 | Bộ máy tính để bàn đồng bộ | <p>CPU: tối thiểu Intel Core i5, 6 Cores, 12 threads, 2.6GHz</p> <p>Ram: >= 8GB DDR4</p> <p>Ổ SSD: >= 256GB SSD</p> <p>Card đồ họa: On-board</p> <p>Màn hình: tối thiểu là 18.5 inch, cùng hãng sản xuất với máy tính</p> <p>Bàn phím, chuột: cùng hãng sản xuất với máy tính</p> | 36 tháng | 13 | Nhà thầu có trách nhiệm lắp đặt và cài đặt các phần mềm ứng dụng cơ bản văn phòng (VD: Chrome, Google, Unkey, 7-zip,...) khi bàn giao hàng hóa. |

BẢNG B. DỊCH VỤ LIÊN QUAN VÀ LỊCH HOÀN THÀNH

| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị | Địa điểm thực hiện | Ngày hoàn thành dịch vụ (ngày) |
|-----|---|---------------------|--------|--|---|
| 1 | Triển khai lắp đặt, nghiệm thu bàn giao thiết bị. | 13 | Bộ | Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, số 519 Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội | M0 + 07 |
| 2 | Thời hạn bảo hành | 13 | Bộ | | 36 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị |

* M0 là ngày Hợp đồng có hiệu lực.

III. TRIỂN KHAI BÀN GIAO, LẮP ĐẶT THIẾT BỊ VÀ CÁC YÊU CẦU

1. Bàn giao thiết bị

1.1. Quy định về thiết bị

- Thiết bị cung cấp trong gói thầu phải là hàng chính hãng, đồng bộ, mới 100%.
- Công tác lắp đặt, vận hành chạy thử, bàn giao nghiệm thu tất cả các hàng

hóa theo đúng yêu cầu tại bảng Dịch vụ liên quan và Lịch hoàn thành.

1.2. Quy định về tài liệu

Hàng hóa, thiết bị khi bàn giao tại điểm lắp đặt phải kèm theo đầy đủ các tài liệu liên quan. Cụ thể các tài liệu bàn giao:

- + Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của thiết bị (CO);
- + Chứng nhận chất lượng sản phẩm của thiết bị (CQ);
- + Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Manual) của nhà sản xuất (không cần dịch nếu là bản Tiếng Anh).

2. Bảo hành

2.1. Thời hạn bảo hành

- Thời điểm bảo hành bắt đầu tính từ ngày thiết bị được lắp đặt, đã chạy thử, đạt yêu cầu và các bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị.
- Thời gian bảo hành: 36 tháng.
- Điều kiện bảo hành theo đúng quy định bảo hành của nhà sản xuất.
- Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí trong suốt thời gian bảo hành.

2.2. Địa điểm bảo hành

- Tại địa điểm thiết bị đã được lắp đặt, cụ thể: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, số 519 Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành của mình/hoặc liên kết đặt tại Hà Nội và cung cấp đầy đủ tên các cơ sở bảo hành kèm địa chỉ, số điện thoại liên lạc cho Chủ đầu tư.

2.3. Cơ chế bảo hành

- Hình thức hỗ trợ về kỹ thuật: Hỗ trợ tại chỗ trong suốt thời gian bảo hành (onsite).
- Khi xảy ra sự cố nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt trong khoảng thời gian 04 giờ kể từ khi đơn vị sử dụng thông báo lỗi của thiết bị để đánh giá mức độ của sự cố và thực hiện bảo hành theo tiêu chuẩn.
- Trường hợp hàng hoá phải gửi đi bảo hành, thời gian để thực hiện công tác bảo hành không được quá 30 ngày (trừ khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư).
- Trong thời gian chờ hàng hóa gửi đi bảo hành, Nhà thầu phải bố trí thiết bị phân cứng tương đương để không bị gián đoạn công việc của người sử dụng thiết bị.
- Trong thời gian bảo hành, mọi hỗ trợ và tư vấn đều được Nhà thầu thực hiện miễn phí.

Chương III. BIỂU MẪU

| Stt | Biểu mẫu | Cách thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|-----|---|-----------------------------|-----------------------|----------|
| | | | Bên mời thầu | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Đơn chào hàng | Đính kèm file trên hệ thống | | X |
| 2 | Mẫu số 02. Bảng tổng hợp chào giá | | | X |
| 3 | Mẫu số 02a. Bảng giá chào của hàng hóa | | | X |
| 4 | Mẫu số 02b. Bảng giá chào cho các dịch vụ liên quan | | | X |

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh khi tham gia chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự gói thầu này.
5. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ email: _____

Đại diện: Ông/Bà _____

Số điện thoại: _____

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)

| STT | Nội dung | Giá chào |
|--|-------------------|------------------|
| 1 | Hàng hoá | (M) |
| 2 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng) | | (M) + (I) |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|-------------------|-------------|---------------------|--|---------|-----------------------|
| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng mời thầu | Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm | Đơn giá | Thành tiền (Cột 4x6) |
| 1 | Hàng hoá thứ 1 | | | | | M1 |
| 2 | Hàng hoá thứ 2 | | | | | M2 |
| | | | | | | |
| n | Hàng hoá thứ n | | | | | Mn |
| Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i> | | | | | | M=M1+M2+...+Mn |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) IDNES ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của IDNES, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|---|---------------|---------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|---------|-------------------------|
| STT | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá | Thành tiền (Cột 3x7) |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i> | | | | | | | (I) |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) IDNES ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Mua sắm máy tính làm việc cho nhân viên tổng đài Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) - Đợt 3

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Mua sắm máy tính làm việc cho nhân viên tổng đài Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) - Đợt 3” của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư/bên mời chào hàng (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư/bên mời chào hàng: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà VIT TOWER, Số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243. 7950338

E-mail: contact@idnes.onmicrosoft.com

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là Ông: Nguyễn Thế Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo. ⁽²⁾

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu được lựa chọn (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá

² Đối với gói thầu xây lắp thì thay bằng "Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo".



(nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

1. Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

2. Bên B đảm bảo Hàng hóa được đóng gói như yêu cầu hoặc khuyến nghị của nhà sản xuất và các điều kiện cần thiết để phòng ngừa rủi ro hoặc thiệt hại trong quá trình vận chuyển.

3. Bên B, bằng danh nghĩa của mình, phải chuẩn bị mọi cấp phép, phê duyệt và/hoặc chứng nhận cần thiết từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các cơ quan dịch vụ công để thực hiện Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn ở giấy phép nhập khẩu cho toàn bộ các thiết bị nhập khẩu của Bên B.

4. Bên B đảm bảo rằng Hàng hóa được cung cấp không bị ràng buộc hoặc là đối tượng của bất kỳ biện pháp bảo đảm và các khiếu nại khác liên quan đến quyền sở hữu, bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ.

5. Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên Mua thực hiện việc kiểm tra và nghiệm thu Hàng hóa.

6. Bên B có trách nhiệm bàn giao các tài liệu đi kèm Hàng hóa theo quy định tại Hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn trong các bản thiết kế, catalogue, bản vẽ, biểu đồ, sách hướng dẫn và chỉ dẫn lắp đặt, bảo dưỡng, chỉ dẫn an toàn.

7. Bên B bảo đảm giữ cho Bên A, cùng toàn bộ các giám đốc, nhân viên, đại lý, công ty thành viên, thầu phụ và khách hàng của Bên A không bị liên đới trách nhiệm trong các vụ kiện tụng, tranh chấp, các thiệt hại, chi phí (bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi phí thuê luật sư) phát sinh do các hành vi vi phạm cố ý hoặc bỏ sót của Bên B. Bên B có trách nhiệm giữ bí mật mọi thông tin của Bên A mà Bên B biết được từ việc thực hiện Hợp đồng này và không cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào mà không có sự chấp thuận của Bên A, trừ trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (với điều kiện Bên B sẽ thông báo trước cho Bên A về việc cung cấp này và sẽ chỉ



cung cấp trong phạm vi được yêu cầu). Nghĩa vụ bảo mật này tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng chuyển khoản, khi Bên B gửi đủ các hồ sơ thanh toán bao gồm cả các sản phẩm theo yêu cầu.

b) Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày các sản phẩm theo yêu cầu được xác nhận nghiệm thu và nhà thầu nộp đủ các chứng từ thanh toán theo yêu cầu.

c) Số lần thanh toán: thanh toán 01 lần

Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị của hợp đồng tương ứng với số tiền là _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*] trong vòng 30 kể từ khi Nhà thầu bàn giao toàn bộ hàng hóa/ thiết bị cho Chủ Đầu tư và Chủ đầu tư nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán: 01 bản gốc;
- Hóa đơn tài chính tương ứng giá trị hàng hóa/thiết bị đã được bàn giao và nghiệm thu: 01 bản gốc;
- Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ của thiết bị (CO) do Phòng Thương Mại Công Nghiệp cấp: 01 bản công chứng;
- Chứng nhận chất lượng sản phẩm của thiết bị (CQ) do Nhà sản xuất cấp: 01 bản gốc;
- Phiếu bảo hành hàng hóa: 01 bản gốc
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng (Manual) của nhà sản xuất: 01 bản gốc;
- Biên bản vận hành thử thiết bị có xác nhận của hai bên (Chủ đầu tư và Nhà thầu): 02 bản gốc;
- Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị có xác nhận của hai bên (Chủ đầu tư và Nhà thầu): 02 bản gốc;
- Biên bản thanh lý hợp đồng có chữ ký xác nhận của hai bên (Chủ đầu tư và Nhà thầu): 02 bản gốc.

Điều khoản về thanh toán có thể thương thảo trong quá trình hoàn thiện và giấy

Điều 6. Loại hợp đồng: trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bất khả kháng

8. Một Bên sẽ không chịu trách nhiệm trước Bên còn lại cho bất kỳ sự trì hoãn hay thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, giãn cách, cách ly, phong tỏa do dịch bệnh; bùng nổ chiến tranh; sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; thiên tai như bão, lũ lụt, động đất, sóng thần; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.

9. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và thực hiện các biện pháp hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

10. Nếu nghĩa vụ của một Bên bị trì hoãn hoặc không được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày liên tục, một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng thông báo trước 15 (mười lăm) ngày trước ngày dự định chấm dứt.

Điều 10. Phạt, Bồi thường thiệt hại

11. Nếu Bên B chậm giao hàng theo thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì Bên B phải trả cho Bên A một khoản phạt bằng 0,05% giá trị phần Hàng hóa giao chậm cho mỗi ngày bàn giao chậm.

12. Thời gian giao chậm không vượt quá 10 ngày. Quá thời hạn này, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Bên B hoàn trả toàn bộ phần giá trị tạm ứng (nếu có), thanh toán cho các cấu phần Hàng hóa không giao được hoặc không được Bên A chấp nhận và chịu phạt 8% giá trị các cấu phần Hàng hóa đó. Bên B vẫn có trách nhiệm bảo hành đối với các cấu phần được Bên A chấp nhận

13. Nếu Bên A chậm thanh toán theo thời hạn quy định tại Hợp đồng này thì Bên A phải trả cho Bên B một khoản phạt bằng 0,05% phần giá trị Hợp đồng chậm thanh toán cho mỗi ngày chậm

14. Ngoài trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong Hợp đồng, nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng mà không thực hiện khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo vi phạm từ Bên còn lại, Bên vi phạm sẽ phải trả cho Bên bị vi phạm một khoản bằng 8% giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Tuy nhiên, đối với tất cả các vi phạm, tổng giá trị phạt của một Bên sẽ không vượt quá 8% giá trị Hợp đồng. Khi đạt đến mức tối đa, Bên bị vi phạm có quyền chấm dứt Hợp đồng

15. Ngoài các khoản phạt quy định tại Hợp đồng, Bên vi phạm phải bồi thường cho Bên bị vi phạm tất cả các Thiệt hại thực tế và trực tiếp mà Bên bị vi phạm phải chịu phát sinh do vi phạm của Bên vi phạm. Trong phạm vi Hợp đồng này, “Thiệt hại” được hiểu là tất cả các thiệt hại, chi phí, các phí tổn, trách nhiệm liên quan đến khiếu nại, kiện tụng, yêu cầu dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn các chi phí pháp lý hợp lý).

16. Các khoản phạt vi phạm sẽ được đối trừ vào khoản thanh toán gần nhất hoặc trừ vào khoản bảo đảm tương ứng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A

những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 13. Cung cấp, kiểm tra

1. Bên B phải cung cấp dịch vụ theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ được cung cấp để đảm bảo dịch vụ đó có tính năng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm sẽ được Bên A thông báo bằng văn bản/email/điện thoại. Trường hợp dịch vụ không phù hợp với tính năng kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về tính năng kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các dịch vụ không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ của Bên A không dẫn đến miễn trừ các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 14. Bản quyền

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Một Bên (“Bên tiếp nhận thông tin”) cam kết bảo mật nội dung hợp đồng cùng toàn bộ các thông tin, tài liệu của Bên còn lại mà Bên tiếp nhận thông tin nhận được hoặc biết được trong quá trình thực hiện hợp đồng này.

Điều 15. Bảo hiểm và bảo hành

1. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những

mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

2. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

3.1. Thời hạn bảo hành

- Thời điểm bảo hành bắt đầu tính từ ngày thiết bị được lắp đặt, đã chạy thử, đạt yêu cầu và các bên ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao thiết bị.

- Thời gian bảo hành: 36 tháng.

- Điều kiện bảo hành theo đúng quy định bảo hành của nhà sản xuất.

- Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí trong suốt thời gian bảo hành.

3.2. Địa điểm bảo hành

- Tại địa điểm thiết bị đã được lắp đặt, cụ thể: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, số 519 Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành của mình/hoặc liên kết đặt tại Hà Nội và cung cấp đầy đủ tên các cơ sở bảo hành kèm địa chỉ, số điện thoại liên lạc cho Chủ đầu tư.

- Hình thức hỗ trợ về kỹ thuật: Hỗ trợ tại chỗ trong suốt thời gian bảo hành (onsite).

- Khi xảy ra sự cố nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật có mặt trong khoảng thời gian 04 giờ kể từ khi đơn vị sử dụng thông báo lỗi của thiết bị để đánh giá mức độ của sự cố và thực hiện bảo hành theo tiêu chuẩn.

- Trường hợp hàng hoá phải gửi đi bảo hành, thời gian để thực hiện công tác bảo hành không được quá 30 ngày (trừ khi được sự chấp thuận của Chủ đầu tư).

- Trong thời gian chờ hàng hóa gửi đi bảo hành, Nhà thầu phải bố trí thiết bị phần cứng tương đương để không bị gián đoạn công việc của người sử dụng thiết bị.

- Trong thời gian bảo hành, mọi hỗ trợ và tư vấn đều được Nhà thầu thực hiện miễn phí.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh

giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Trong quá trình thực hiện, hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau chủ động thương lượng để giải quyết dựa trên nguyên tắc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau (có lập biên bản làm việc) thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được đưa ra xử lý tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Chủ đầu tư/bên mời chào hàng giữ 02 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI CHÀO HÀNG

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03 trong bản yêu cầu báo giá này]